TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 08/11/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB14042	Nguyễn Đình	An	27/09/2004	Nam	8,0	8,33	Đạt	
2	BKCB14043	Nguyễn Thùy	An	22/05/2006	Nữ	9,33	8,5	Đạt	
3	BKCB14044	Trần Phúc	An	21/09/1999	Nam	6,67	8,0	Đạt	
4	BKCB14045	Dương Thanh	Anh	27/09/1992	Nam	6,33	5,0	Đạt	
5	BKCB14046	Hồ Đức Thế	Anh	17/08/1998	Nam	8,67	9,0	Đạt	
6	BKCB14047	Nguyễn Tú	Anh	26/08/2004	Nữ	8,0	7,67	Đạt	
7	BKCB14048	Trần Thanh Tuấn	Anh	09/07/2007	Nam	5,67	6,0	Đạt	
8	BKCB14049	Võ Hoàng	Anh	01/03/1999	Nam	9,33	7,67	Đạt	
9	BKCB14050	Trình Thị Nguyệt	Ánh	08/04/2003	Nữ	9,0	8,33	Đạt	
10	BKCB14051	Nguyễn Tuấn	Anh	24/07/2002	Nam	9,0	6,33	Đạt	
11	BKCB14052	Lê Đặng Phi	Bằng	17/06/1986	Nam	5,67	2,33	Không đạt	
12	BKCB14053	Nguyễn Ngọc	Bảo	03/03/1992	Nam	7,33	2,0	Không đạt	
13	BKCB14054	Nguyễn Quang	Bảo	09/08/1985	Nam	4,33	2,67	Không đạt	
14	BKCB14055	Trương Vũ	Bảo	03/07/2002	Nam	6,0	6,67	Đạt	
15	BKCB14056	Nguyễn Văn Hòa	Bình	19/04/1982	Nam	9,33	8,0	Đạt	
16	BKCB14057	Hà Bảo	Châu	27/11/2006	Nữ	4,0	0,0	Không đạt	
17	BKCB14058	Nguyễn Minh	Chiến	06/08/1986	Nam	6,67	2,67	Không đạt	
18	BKCB14059	Nguyễn Thành	Công	25/09/1971	Nam	6,33	7,0	Đạt	
19	BKCB14060	Trần Thanh Kim	Cương	02/12/2003	Nữ	7,67	9,33	Đạt	
20	BKCB14061	Nguyễn Tiến	Cường	28/06/1980	Nam	9,0	9,0	Đạt	
21	BKCB14062	Đinh Nhật	Đăng	29/09/2003	Nam	9,33	7,67	Đạt	
22	BKCB14063	Đặng Quốc	Đạt	01/01/2004	Nam	8,33	8,0	Đạt	
23	BKCB14064	Dương Thành	Đạt	30/09/2008	Nam	8,0	7,0	Đạt	
24	BKCB14065	Trần Nguyễn Khắc	Đạt	04/12/1988	Nam	9,33	6,33	Đạt	
25	BKCB14066	Trần Phương	Đông	09/01/2003	Nam	9,67	9,33	Đạt	
26	BKCB14067	Nguyễn Minh	Đức	18/10/1991	Nam	9,67	5,33	Đạt	
27	BKCB14068	Lê Văn	Dũng	16/10/1975	Nam	1,67	0,0	Không đạt	
28	BKCB14069	Lê Minh	Duy	26/07/2008	Nam	8,33	9,0	Đạt	
29	BKCB14070	Nguyễn Phương	Duy	29/05/2004	Nữ				Vắng
30	BKCB14071	Phạm Mạnh	Duy	16/06/2000	Nam	7,0	8,0	Đạt	
31	BKCB14072	Lê Cẩm	Duyên	06/08/2003	Nữ	8,67	8,0	Đạt	
32	BKCB14073	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	23/06/2005	Nữ	9,0	8,33	Đạt	
33	BKCB14074	Hồ Thị Chi	Em	06/12/1999	Nữ	9,0	9,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
34	BKCB14075	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	30/08/2001	Nữ	8,0	9,33	Đạt	
35	BKCB14076	Đỗ Trà	Giang	31/07/2004	Nữ	7,33	8,5	Đạt	
36	BKCB14077	Trương Đỗ Hồng	Hân	23/01/2006	Nữ	9,67	6,33	Đạt	
37	BKCB14078	Lê Thị	Hằng	18/02/1986	Nữ	9,33	7,33	Đạt	
38	BKCB14079	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	27/03/2007	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
39	BKCB14080	Trần Anh	Hào	16/07/1997	Nam	10,0	9,0	Đạt	
40	BKCB14081	Nguyễn Sỹ Đại	Hiệp	11/07/2005	Nam	9,33	9,0	Đạt	
41	BKCB14082	Cổ Trung	Hiếu	22/07/2003	Nam	9,33	5,0	Đạt	
42	BKCB14083	Nguyễn Bảo	Hiếu	07/06/1999	Nam	9,0	6,67	Đạt	
43	BKCB14084	Nguyễn Viết	Hiếu	28/10/1988	Nam				Vắng
44	BKCB14085	Hồ Huy	Hoàng	30/07/2007	Nam	6,33	5,0	Đạt	
45	BKCB14086	Thái Minh	Hoàng	28/06/1989	Nam	9,33	4,33	Không đạt	
46	BKCB14087	Cao Viết	Hồng	02/06/1983	Nam				Vắng
47	BKCB14088	Trần Thị Bích	Hợp	12/09/1991	Nữ	8,0	5,67	Đạt	
48	BKCB14089	Trịnh Mạnh	Hùng	09/11/1986	Nam	5,33	5,0	Đạt	
49	BKCB14090	Nguyễn Quốc	Hưng	20/07/1999	Nam	9,67	6,0	Đạt	
50	BKCB14091	Nguyễn Quốc	Huy	01/10/2007	Nam	6,67	8,67	Đạt	
51	BKCB14092	Nguyễn Thanh	Huy	18/03/2007	Nam				Vắng
52	BKCB14093	Phan Quốc	Huy	19/05/1989	Nam	6,0	5,33	Đạt	
53	BKCB14094	Trần Thái Ngọc	Huyền	12/01/2005	Nữ	8,33	7,67	Đạt	
54	BKCB14095	Lê Thị Thuý	Huỳnh	13/11/1999	Nữ	9,33	7,0	Đạt	
55	BKCB14096	Đinh Bá	Khai	07/10/1981	Nam	7,0	9,0	Đạt	
56	BKCB14097	Dương Văn	Khải	11/10/19996	Nam	5,0	8,33	Đạt	
57	BKCB14098	Trần Gia	Khang	07/12/2001	Nam	7,67	8,33	Đạt	
58	BKCB14099	Võ Ngọc	Khang	03/05/2008	Nam	9,33	7,33	Đạt	
59	BKCB14100	Lê Minh	Khang	16/10/1999	Nam	9,67	7,33	Đạt	
60	BKCB14101	Trần Quốc	Khánh	18/10/2004	Nam	9,33	7,33	Đạt	
61	BKCB14102	Hà Gia	Khiêm	11/04/2008	Nam	7,0	8,33	Đạt	
62	BKCB14103	Nguyễn Đăng	Khôi	25/01/2008	Nam	8,33	9,0	Đạt	
63	BKCB14104	Huỳnh Tuấn	Kiệt	01/01/1994	Nam	7,0	8,33	Đạt	
64	BKCB14105	Nguyễn Tuấn	Kiệt	20/09/2003	Nam	6,67	7,0	Đạt	
65	BKCB14106	Nguyễn Vũ Xuân	Kỳ	18/01/2002	Nam	7,0	6,0	Đạt	
66	BKCB14107	Trần Xuân	Lâm	03/04/1991	Nam	6,67	5,0	Đạt	
67	BKCB14108	Lê Văn	Lâu	30/11/1979	Nam	8,67	3,0	Không đạt	
68	BKCB14109	Võ Thị Thúy	Liên	05/01/1994	Nữ	6,33	9,0	Đạt	
69	BKCB14110	Nguyễn Thị Yến	Linh	21/01/2001	Nữ	6,0	9,0	Đạt	
70	BKCB14111	Võ Quốc Mạnh	Linh	26/12/1991	Nam	6,33	6,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
71	BKCB14112	Huỳnh Ngọc Kim	Loan	03/10/2003	Nữ	8,0	8,33	Đạt	
72	BKCB14113	Lê Huỳnh Hữu	Lộc	21/01/2006	Nam	9,0	8,0	Đạt	
73	BKCB14114	Nguyễn Trần Phúc	Ly	21/08/2004	Nữ	7,67	7,0	Đạt	
74	BKCB14115	Đỗ Kim	Mi	07/11/2007	Nữ	9,33	5,67	Đạt	
75	BKCB14116	Mai Thị Dạ	Mi	21/01/2006	Nữ	8,33	5,0	Đạt	
76	BKCB14117	Lâm Tuấn	Minh	09/03/2004	Nam	9,33	8,33	Đạt	
77	BKCB14118	Nguyễn Hoàng	Minh	03/06/1987	Nam	10,0	8,33	Đạt	
78	BKCB14119	Nguyễn Hoàng	Minh	20/01/1991	Nam	8,0	8,67	Đạt	
79	BKCB14120	Trương Phú	Mỹ	23/10/2000	Nam	5,0	5,33	Đạt	
80	BKCB14121	Bùi Hoàng Vi	Na	28/07/2004	Nữ	10,0	7,67	Đạt	
81	BKCB14122	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	02/01/2007	Nam				Vắng
82	BKCB14123	Phạm Hoàng	Nam	16/05/2007	Nam	8,0	8,33	Đạt	
83	BKCB14124	Phan Nhật	Nam	22/05/2000	Nam	7,67	7,0	Đạt	
84	BKCB14125	Vũ Hoài	Nam	26/12/1986	Nam	5,33	2,33	Không đạt	
85	BKCB14126	Nguyễn Trung	Nghĩa	01/04/2000	Nam	6,67	6,0	Đạt	
86	BKCB14127	Dương Hoài	Ngọc	15/10/1986	Nam	5,0	5,67	Đạt	
87	BKCB14128	Lê Thị Như	Ngọc	31/08/2005	Nữ	9,0	7,33	Đạt	
88	BKCB14129	Nguyễn Hoàng Yến	Ngọc	07/10/2004	Nữ	9,0	7,33	Đạt	
89	BKCB14130	Nguyễn Minh	Nguyệt	01/03/1999	Nữ	7,33	5,67	Đạt	
90	BKCB14131	Huỳnh Phạm Trọng	Nhân	24/10/1997	Nam	7,33	8,0	Đạt	
91	BKCB14132	Mai Nguyễn Hiếu	Nhân	19/04/2001	Nam	10,0	8,33	Đạt	
92	BKCB14133	Nguyễn Trọng	Nhân	20/01/2006	Nam	9,0	5,67	Đạt	
93	BKCB14134	Lê Hữu	Nhân	19/06/2004	Nam	6,0	5,33	Đạt	
94	BKCB14135	Nguyễn Thị Yến	Nhi	22/07/1984	Nữ				Vắng
95	BKCB14136	Võ Văn	Nhu	20/08/1973	Nam	8,67	1,33	Không đạt	
96	BKCB14137	Trịnh Thị Huỳnh	Như	11/10/2004	Nữ	9,67	8,33	Đạt	
97	BKCB14138	Noành Hàng K'	Niệm	14/05/1996	Nam	9,33	9,0	Đạt	
98	BKCB14139	Lê Thị Hồng	Phấn	25/06/2005	Nữ	10,0	9,0	Đạt	
99	BKCB14140	Lê Tấn	Phát	18/11/2007	Nam	6,0	5,0	Đạt	
100	BKCB14141	Nguyễn Tấn	Phát	07/05/1994	Nam	4,33	5,67	Không đạt	
101	BKCB14142	Vũ Nguyễn Đức	Phát	15/11/2008	Nam	9,0	6,33	Đạt	
102	BKCB14143	Phạm Hưng	Phát	16/10/2004	Nam	8,0	5,33	Đạt	
103	BKCB14144	Rơ Châm	Phên	03/10/2000	Nam				Vắng
104	BKCB14145	Đỗ Anh	Phi	02/02/2005	Nam	6,33	5,67	Đạt	
105	BKCB14146	Trần Văn	Phong	04/04/1977	Nam	4,0	3,67	Không đạt	
106	BKCB14147	Dương Hoàng	Phúc	16/04/2000	Nam	8,0	7,67	Đạt	
107	BKCB14148	Trịnh Xuân	Phúc	06/03/1989	Nam	7,33	5,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
108	BKCB14149	Đinh Ngọc	Phụng	30/07/2003	Nữ	8,33	9,33	Đạt	
109	BKCB14150	Đỗ Như	Phương	26/03/1995	Nam	8,33	7,67	Đạt	
110	BKCB14151	Lê Đình	Phương	10/06/1999	Nam				Vắng
111	BKCB14152	Lê Hồng	Phương	03/12/2001	Nam	9,67	9,0	Đạt	
112	BKCB14153	Trịnh Thế	Phương	28/06/1982	Nam	3,0	0,0	Không đạt	
113	BKCB14154	Võ Đỗ Thu	Phương	06/08/2006	Nữ	6,33	2,67	Không đạt	
114	BKCB14155	Lê Tấn	Quốc	21/04/1987	Nam	7,67	1,0	Không đạt	
115	BKCB14156	Nguyễn Dương Ngọc	Quý	08/08/2008	Nam	9,33	3,33	Không đạt	
116	BKCB14157	Nguyễn Thanh	Quý	03/01/2004	Nam	5,67	5,0	Đạt	
117	BKCB14158	Nguyễn Thị Bích	Quyền	03/09/2006	Nữ	10,0	8,67	Đạt	
118	BKCB14159	Tôn Thất	Quyết	09/05/1993	Nam	9,33	8,33	Đạt	
119	BKCB14160	Nguyễn Văn	Sang	13/05/1989	Nam	3,33	0,67	Không đạt	
120	BKCB14161	Lê Văn	Sơn	04/03/1996	Nam	9,33	8,0	Đạt	
121	BKCB14162	Nguyễn Hồng	Sơn	15/09/1993	Nam	8,33	7,0	Đạt	
122	BKCB14163	Nguyễn Hồng	Sơn	04/10/1995	Nam	3,67	5,33	Không đạt	
123	BKCB14164	Nguyễn Minh	Tâm	20/06/2003	Nam	6,0	8,0	Đạt	
124	BKCB14165	Mai Đức	Thái	30/05/2000	Nam	7,0	5,0	Đạt	
125	BKCB14166	Nguyễn Việt	Thắng	12/02/1984	Nam	9,67	9,0	Đạt	
126	BKCB14167	Trịnh Hải	Thắng	24/11/1992	Nam	9,0	8,0	Đạt	
127	BKCB14168	Đặng Huỳnh Lâm	Thanh	29/04/2001	Nữ	10,0	8,33	Đạt	
128	BKCB14169	Đỗ Tấn	Thanh	27/06/1987	Nam	5,67	2,67	Không đạt	
129	BKCB14170	Nguyễn Tuấn	Thanh	17/01/1988	Nam	7,67	5,0	Đạt	
130	BKCB14171	Phan Thị Kim	Thanh	30/09/2004	Nữ	7,33	3,0	Không đạt	
131	BKCB14172	Lê Nguyễn Tuấn	Thành	12/01/2002	Nam	7,67	6,67	Đạt	
132	BKCB14173	Lê Thị Thu	Thảo	13/02/2001	Nữ	9,33	6,67	Đạt	
133	BKCB14174	Trương Thị Thanh	Thảo	24/01/2005	Nữ	8,0	5,0	Đạt	
134	BKCB14175	Vũ Thị Dương	Thảo	15/12/2004	Nữ	9,33	6,0	Đạt	
135	BKCB14176	Vũ Thế	Thịnh	02/10/2000	Nam	7,33	7,67	Đạt	
136	BKCB14177	Lê Thị Anh	Thơ	19/06/2001	Nữ	8,33	8,0	Đạt	
137	BKCB14178	Cao Ngọc Anh	Thư	28/11/2007	Nữ	5,0	8,0	Đạt	
138	BKCB14179	Nguyễn Đức	Thuận	07/12/2008	Nam	9,0	8,33	Đạt	
139	BKCB14180	Lê Thị Hoài	Thương	23/05/1987	Nữ	6,67	3,33	Không đạt	
140	BKCB14181	Nguyễn Hoàng Thanh	Thuý	17/04/2007	Nữ	8,33	8,33	Đạt	
141	BKCB14182	Trịnh Văn	Thuỳ	04/02/1991	Nam	8,0	7,67	Đạt	
142	BKCB14183	Đỗ Quốc	Tiến	14/02/1998	Nam	6,0	6,17	Đạt	
143	BKCB14184	Nguyễn Sĩ	Tiến	02/06/2004	Nam	8,0	8,0	Đạt	
144	BKCB14185	Trương Hoàng Minh	Tiến	10/12/2004	Nam	7,67	7,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
145	BKCB14186	Lê Anh	Tiền	06/11/1996	Nam	7,33	8,33	Đạt	
146	BKCB14187	Đỗ Thanh	Tín	11/01/2004	Nam	7,67	7,67	Đạt	
147	BKCB14188	Nguyễn Hồ Bảo	Tín	08/03/1999	Nam	9,33	8,67	Đạt	
148	BKCB14189	Lý Bảo	Toàn	12/11/1999	Nam	8,67	8,67	Đạt	
149	BKCB14190	Phạm Trần Bảo	Trâm	10/10/2007	Nữ	5,0	7,0	Đạt	
150	BKCB14191	Trịnh Thị Thùy	Trang	26/06/2005	Nữ	9,0	7,67	Đạt	
151	BKCB14192	Nguyễn Mai	Trinh	13/11/1999	Nữ	9,0	9,0	Đạt	
152	BKCB14193	Nguyễn Hữu	Trung	27/01/1979	Nam	8,67	1,33	Không đạt	
153	BKCB14194	Trần Văn	Trung	12/01/1994	Nam	7,67	8,67	Đạt	
154	BKCB14195	Huỳnh Quốc	Tuấn	02/03/1985	Nam	6,0	5,0	Đạt	
155	BKCB14196	Tô Văn	Tuyên	28/02/1996	Nam	8,67	7,67	Đạt	
156	BKCB14197	Ngô Thị Hồng	Tuyến	02/11/1978	Nữ	9,33	6,33	Đạt	
157	BKCB14198	Nguyễn Hoàng Quốc	Việt	10/02/1997	Nam				Vắng
158	BKCB14199	Phạm Hoàng	Vũ	23/02/1985	Nam	7,67	5,0	Đạt	
159	BKCB14200	Nguyễn Đào Thảo	Vy	15/06/2001	Nữ	10,0	7,33	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh: **0** **Số thí sinh đạt:** **128**

Số lượng hiện diện: **#REF!**

Thư ký Hội đồng **Chủ tịch Hội đồng**

Ngô Quang Nhựt **Thoại Nam**